

Tên họ Hai Bà Trưng

Biên soạn: **Đỗ Hoàng Ý**

Lời mở đầu:

Từ bao thế kỷ nay, người Việt chúng ta vững tin rằng những cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt chống lại ách đô hộ của nhà Đông Hán vào thời đầu thế kỷ I là có thật.

Các anh thư, anh hùng đã can trường hợp lực khởi nghĩa không phải là những nhân vật thần thoại mà các vị thật sự là tổ tiên của chúng ta, đã anh dũng chống lại cuộc xâm lăng, phá bỏ ách đô hộ tàn ác, khắc nghiệt của vua quan nhà Đông Hán để giành lại độc lập cho nước nhà.

Thật đáng quan tâm là đến nay đã gần hai ngàn năm sau thời Hai Bà Trưng, chúng ta vẫn chưa biết được chắc chắn điều nào thực, điều nào hư trong số những điều được ghi chép trong các thần tích, ngọc phả, trong các sử sách xưa về những cuộc khởi nghĩa oai hùng đó.

Ngay cả tên họ của Hai Bà đến nay hậu sinh chúng ta vẫn không biết người Việt cổ phát âm như thế nào? Họ của Hai Bà là *Lạc*, là *Trưng*, hay là không có họ?

Vì kiến thức về chữ Hán của người viết rất hạn hẹp nên khi biên khảo phải dựa theo các phiên âm Hán Việt và bản dịch của các tác giả đi trước. Biên học mênh mông, sách báo, tài liệu nhiều không kể xiết, tuy đã cố gắng tham khảo, đối chiếu và kiểm chứng các ghi chép được lưu truyền nhưng chắc chắn bài biên khảo này còn có điều sai sót, chân thành mong các bậc thức giả cao minh rộng lượng cho ý kiến và chỉ giáo.

*

Trước tiên, chúng ta cần đề ý đến *Hậu Hán thư* [後漢書, tác giả: 范曄 Fan Yeh - Phạm Diệp (Việp) (398-446)] là tài liệu chữ Tàu cổ xưa nhất có ghi tên Hai Bà: 徵側 và 徵貳.

Xét việc ghi chép này thì có thể suy luận được là khi nghe tên Hai Bà phát âm theo tiếng Việt cổ, người Tàu đã tìm cách ký âm, ghi lại bằng những chữ Tàu có âm đọc tương tự.

Vì có nhiều chữ Tàu tuy viết khác nhau nhưng *đồng âm dị nghĩa*, ví dụ như:

- các chữ: 惻, 惻 (bộ *tâm* 心), 陟 (bộ *phụ* 阜), 側 (bộ *nhân* 人), 巖 (bộ *son* 山) v.v... đều cùng có âm Hán Việt *trắc*.

- các chữ: 二 (bộ *nhị* 二), 仞 (bộ *nhân* 人), 貳 (bộ *bối* 貝), 洹 (bộ *thủy* 水) v.v... đều cùng có âm Hán Việt *nhị*.

Nhưng văn gia Tàu, có thể là Phạm Diệp hoặc các văn gia đời sau, đã cố tình chọn dùng chữ 側 và chữ 貳 để ghi lại tên Hai Bà ngụ ý khinh miệt và hạ nhục:

側: âm Hán Việt *trắc* (như dùng cho: phản trắc, trắc lậu),

貳: âm Hán Việt *nhị* (như dùng cho: nhị tâm).

Thế mà từ bao thế kỷ nay, người Việt đời sau hầu như chỉ biết tên Hai Bà đọc theo âm Hán Việt là Trưng Trắc (徵 側), Trưng Nhị (徵 貳) nhưng không để ý đến nghĩa rất xấu của các chữ 側 và 貳 được ghi chép trong *Hậu Hán thư*.

Khi dịch câu văn chữ Tàu sang tiếng Việt thì đành theo sát nguyên văn chữ Tàu, nhưng hậu sinh chúng ta khi nhắc đến tên Hai Bà, để **tỏ lòng tôn kính, nên ghi theo âm tiếng Việt là Trưng Chắc và Trưng Nhì**.

Thực ra, đến nay chúng ta vẫn không biết người Việt cổ phát âm **tiếng nói** như thế nào? Hai Bà và quân dân khởi nghĩa nói tiếng Việt cổ trong hệ ngôn ngữ Tai Kadai (từ miền Lĩnh Nam) hay trong hệ ngôn ngữ Mon-Khmer (trong vùng Nam Á)? Điều này còn tùy thuộc vào sự kiện các cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt thời Hai Bà khởi phát từ nơi nào, trong vùng Lĩnh Nam hay tại đồng bằng sông Hồng? (xin xem thêm bài: *Khảo luận về các địa danh nước Việt cổ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa* – © 2015-2023 Đỗ Hoàng Ý)

Từ đầu thế kỷ thứ 20 đến nay đã có nhiều công trình biên khảo công phu về nguồn gốc tiếng Việt cổ của các tác giả Âu Mỹ và Việt, được chú ý đến nhiều là các bài:

- *Études sur la phonétique historique de la langue annamite: Les Initiales* (Henri Maspéro, Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO), Hanoi, 1912).

- *La place du vietnamien dans les langues austroasiatiques* (André-Georges Haudricourt, Paris, 1953).

- *Linguistic research on the origin of the Vietnamese language: an overview* (Mark Alves, Maryland, USA, 2008).

- *The Austroasiatics in Ancient South China, Some Lexical Evidence* (Jerry Norman and Tsu-lin Mei, *Monumenta Serica* 32 (1976).

Tuy các nhà nghiên cứu chưa đạt được kết luận đồng nhất về nguồn gốc tiếng Việt cổ nhưng đa số đồng ý là sau nhiều biến cố lịch sử, theo các đợt dân di cư từ miền Lĩnh Nam tiếng Tai Kadai đã pha trộn với tiếng Mon Khmer của thổ dân sống tại vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã. Dần dà sự pha trộn của hai ngôn ngữ Tai-Kadai và Mon Khmer tạo thành tiếng Việt cổ vào những thế kỷ đầu Công nguyên.

Thiên nghi, người Tàu khi cần phiên âm các tiếng của người Việt cổ nhưng vì không có tiếng Tàu nào tương đồng, họ đành phải ký âm tạm bằng một chữ Tàu khi đọc lên nghe gần giống tiếng Việt cổ. Ví dụ như:

(theo hệ ngôn ngữ Mon Khmer) Có thể người Việt cổ nói	Người Tàu ký âm bằng chữ:	Âm đọc theo chữ Tàu
Mlinh hay Mring	麓冷	Mi Linh
Kurung	徵	Trung

Dù thế nào chăng nữa, tuy chưa ai biết theo tiếng Việt cổ tên Hai Bà được phát âm như thế nào nhưng theo truyền thống của người Việt từ nhiều thế kỷ nay, hậu sinh chúng ta cần tôn trọng **tên húy** của Hai Bà và nhắc đến tên Hai Bà **theo âm tiếng Việt là Bà Chắc và Bà Nhì**.

*

Xét về **họ** của người Việt cổ, các nhà nghiên cứu đều ghi nhận là cho đến thời đầu Công nguyên các tộc **người Việt cổ có tên gọi** nhưng không mang **họ**:

- Theo tác giả Claude Madrolle, người Việt cổ vào đầu Công nguyên **chỉ có tên gọi** nhưng chưa đặt **họ** cho tên người. Tác giả có ý cho rằng với tên Hai Bà, tiếng **Trung** không phải là được dùng để chỉ **họ** của Hai Bà. Nhưng tác giả không giải thích tiếng **Trung** được dùng với ý nghĩa gì? (*Le Tonkin Ancien*, Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO), tập số XXXVII, Hanoi, 1937).

- Theo tác giả Bình Nguyên Lộc, đến khi nhà Đông Hán đánh chiếm, cai trị nước ta, vua quan Tàu bắt ép người Việt cổ theo tục Hán, phải có đầy đủ **danh tính** (tên họ) để cho tiện việc kiểm tra dân số. (*Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, Bình Nguyên Lộc, Sài Gòn, 1971).

- Theo tác giả Eric Henry (Đại học North Carolina) trong văn hóa Việt thượng cổ không thấy lưu lại dấu vết gì chứng tỏ là người Việt cổ có mang **họ**, kể cả các vua. Tác giả cho rằng đến khi vua quan nhà Hán xâm chiếm nước Việt cổ vào thời đầu Công nguyên thì người Việt cổ bắt đầu phải đặt **họ** theo tục Hán. (*The Submerged History of Yuè*, Sino Platonic papers, #106, May 2007).

Hiểu theo như thế, nếu **Trung không phải là họ của Hai Bà** thì hậu sinh chúng ta cần tìm hiểu ý nghĩa của tiếng **Trung**:

- có thể tên Hai Bà là **tên kép** gồm hai tiếng Trung Chắc, Trung Nhi.
- có thể **tên húy** Hai Bà chỉ giản dị là **Chắc** và **Nhi**, còn tiếng **Trung**, theo phong tục Việt cổ, được kèm theo tên húy để bày tỏ sự tôn kính đối với Hai Bà.
- có thể tiếng **Trung** hàm ngụ ý nghĩa là người lãnh đạo, chỉ huy, là vua, chúa*.

*khoảng thập niên 1970, tác giả Phạm Huy Thông (1916-1988) nêu lên giả thuyết tiếng **Trung** có thể là từ tiếng Mon-Khmer cổ **Kurung*** để chỉ tước vị Vua trong văn hóa Phù Nam**.

Người viết chưa tìm được biên khảo nguyên bản có ghi chi tiết này. Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo.

** Trong một số biên khảo vào đầu thế kỷ 21 như:

- *The Transmission of Indian Buddhist Cultures and Arts towards Funan Periods on 1st-6th Century the Evidence in Vietnam*-Phramaha Chakrapol (Acharashubho) Thepa Religion and Philosophy Faculty, Mahamakut Buddhist University, Salaya, Thailand, 2021).

- *Funan Reviewed: Deconstructing the Ancients*- Michael Vickery, Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient, Vol. 90/91 (2003-2004).

Các tác giả đều ghi trong lịch sử Phù Nam, **Kurung** Bnam (tiếng Mon-Khmer) là để chỉ người ở ngôi **vua** cầm quyền cai trị nước Phù Nam.

- Theo tác giả Nguyễn Xuân Quang:

.... Đại Tộc Việt là Người Mặt Trời, thờ phượng mặt trời, theo đạo mặt trời. Cảnh thờ phượng mặt trời của Lạc Việt cổ còn vẽ lại rành rành trên vách đá Hoa Sơn (Huashan) ở Quảng Tây, Trung Quốc cách đây hơn 2.500 năm cùng thời với trống đồng nòng nọc, âm dương Ngọc Lũ I của đại tộc Đông Sơn, có chủ thể mặt trời ở tâm trống.

.....

Hai Bà Trưng hiểu theo nghĩa Sáng Trưng là gọi theo Họ Hùng Vương Mặt Trời Mộc Sáng Ngời.....Nữ Vương Nang Trưng Thái Dương bao gồm nghĩa Nang là Trừng Tạo Hóa và Thái Dương là Sáng Trưng, mặt trời thái dương. Trưng Trắc là Mẹ Nang Thái Dương Một, thứ Nhất và Trưng Nhị là Mẹ Nang Thái Dương Nhì, thứ hai.
(<https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2020/03/06/nhan-dien-danh-tnh-hai-b-trung/>).

*

Khảo luận về các ghi chép tên họ Hai Bà trong một số cổ thư

* Các bộ *Sử ký, Việt chí, Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Việt Nam thế*

chí đã thất truyền nên không biết là hơn một ngàn năm sau thời Hai Bà khởi nghĩa, tiền nhân đã ghi *tên* của Hai Bà như thế nào và có ghi *họ* của Hai Bà hay không?

Ghi chú và Khảo luận:

Sử ký*: vào thế kỷ 12, trong khoảng những năm vào triều vua Lý Anh Tông (trị vì: 1138-1175). **Đỗ Thiện ghi chép lịch sử nước Việt từ thời thượng cổ đến cuối triều vua Lý Nhân Tông (trị vì: 1072-1127). Bộ sử này được kể là bộ sử đầu tiên do tác giả người Việt biên soạn. Bộ sử này đã thất truyền.

Việt chí*: vào thế kỷ 13, trong khoảng những năm 1234-1258 đời Trần, sử thần **Trần Phô* đã hiệu đính lại bộ *Sử ký* của Đỗ Thiện thành hai quyển I và II, ghi chép tiếp về nhà Lý, thành quyển III. Bộ sử mới này có tên là **Việt chí**.

*có tài liệu ghi là Trần Tân/ Tấn (?)

Theo các tác giả Phan Huy Lê và Trần Văn Giáp thì rất có thể Trần Tân (hay Tấn) hay Trần Phô chính là **Trần Chu Phô** [Phan Huy Lê (*Bài khảo cứu*, in ở đầu bản dịch bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*) và Trần Văn Giáp (*Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*)].

***Đại Việt Sử ký**: soạn giả **Lê Văn Hưu** (1230-1322), hiệu đính lại các công trình của Đỗ Thiện và Trần Phủ, loại bỏ đoạn cuối viết về thời gian trị vì của Lý Chiêu Hoàng*(trị vì: 1224-1225), đặt tên sách là **Đại Việt sử ký** (大越史記) hoàn thành năm 1272. Bộ sử này đã thất truyền và chỉ còn lưu lại từng đoạn được ghi trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên vào thế kỷ thứ 15.

* Theo thiên ý, điều này cần được kiểm chứng.

***Việt sử cương mục** và **Việt Nam thế chí**: do Hồ Tông Thốc biên soạn vào khoảng thế kỷ thứ 14, cuối đời nhà Trần. Vì thất truyền nên nay không ai biết nhiều về bộ sử này.

Trong bài *Tựa* của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên có nhắc đến *Việt sử cương mục*.

* Theo **Việt điện U Linh tập** (粵甸幽靈集) của **Lý Tế Xuyên** (có biên khảo ghi là Lý Tế Xương) (1329), trong phần “Lịch đại nhân quân” (歷代人君- các vị vua của các đời) có truyện “Uy liệt thuần trinh phu nhân, Chế thắng bảo thuận phu nhân” (威烈純貞夫人 - 制勝保順夫人) ghi:

“Theo **Sử kí** và thế truyền, **chị em phu nhân vốn họ Lạc**, chị tên là **Trung Trắc**, em tên là **Trung Nhị**, là người huyện **Mi Linh**, **Phong Châu**, thời **Đông Hán**, chính là con gái **Lạc tướng châu ta** vậy. Ban đầu **Trung Trắc** lấy **Thi Sách*** ở huyện **Chu Diên**. **Trung Trắc** là người có dũng khí và rất cứng cỏi. Đương thời **Thứ sử châu ta** là **Tô Định**, dùng pháp luật để cai trị họ, **Trung Trắc** giận, cùng em cất binh đánh đuổi **Tô Định**, tấn công vây hãm **Giao Châu ta**, cho đến **Nhật Nam**, **Hợp Phố**, **Cửu Chân**, dân man di đều hưởng ứng theo. Lược định được 75 thành ở cõi **Lĩnh ngoại**, **tự lập làm vua**, **mới xưng là họ Trung**, dựng trị sở ở **Ô Diên**”.

(*Việt Điện U Linh tập*, người dịch: Lê Hữu Mục, Huế, 1959)

*ghi chú: xin xem thêm bài *Vị anh hùng tên Thi* © 2015 Đỗ Hoàng Ý)

Theo tác giả **Đào Phương Chi** (*Phương pháp nghiên cứu văn bản Hán Nôm qua tác phẩm Việt Điện U Linh tập* – Tạp chí Hán Nôm, số 6, Viện Hán Nôm Hà Nội, 2011), trải qua thời gian gần 6 thế kỷ, từ khi *Việt Điện U Linh tập* được hoàn thành đến đầu thế kỷ thứ 20, đã có nhiều tác giả truyền thừa hiệu đính, tu bổ tập truyện truyền kỳ này. Theo những ghi chép trong 13 văn bản chữ Hán còn được giữ lại tại các thư viện trên thế giới thì thấy rằng sau Lý Tế Xuyên, ít nhất đã có 6 tác giả để lại bút tích làm thay đổi văn bản *Việt Điện U Linh tập*:

- vào thế kỷ thứ 15: **Nguyễn Văn Chát** (1422 - ?) thêm phần *Tục biên* (*Tục bổ*).
- vào thế kỷ thứ 16: **Lê Tự Chi** viết *Càn Hải tứ vị thánh nương tịnh tự*, **Lê Thuận Phủ** soạn *Bạt*.

- vào thế kỷ thứ 17-18: Nguyễn Quang Dự, Cao Huy Diệu và Lê Hữu Hỷ viết *Tiểu bình, Bỏ Chú*, Nguyễn Đình Giản viết *hiệu bình*.

- đáng kể nhất là Gia Cát thị (Chư Cát thị) năm 1774 đã san định tác phẩm, đặt tên *Tân đính hiệu bình Việt Điện U Linh tập*. Trong bài *Tựa*, Gia Cát thị cho rằng Lý Tế Xuyên không phải là tác giả đầu tiên mà chỉ là người "*làm nối theo phần cuối*" sách *Việt điện u linh* đã có từ trước.

- vào thế kỷ thứ 18: Kim Miện Muội đã phụng mệnh *lục* và *kiểm xét* tác phẩm năm 1771.

- vào thế kỷ thứ 20: Ngô Giáp Đậu (1853 - ?) viết thêm *Trùng bổ*

Vì thế hậu sinh chúng ta không biết được là dịch giả Lê Hữu Mục đã dùng văn bản nào khi dịch *Việt Điện U Linh tập* năm 1959.

* Theo **Lĩnh Nam chích quái** (嶺南摭怪) của **Trần Thế Pháp** biên soạn vào khoảng năm 1370 đến 1400, trong truyện "Trình Linh Nhị Trung phu nhân" có ghi:

"Xét quốc sử thì **Hai Bà Trưng họ Lạc**, bà chị tên là Trắc, bà em tên là Nhị, người làng Mê Linh châu Phong, con gái lạc tướng Giao Châu, ban đầu gả cho Thi Sách ở Châu Diên; Phu nhân người hùng dũng, hay quả quyết khi hành sự".

(*Lĩnh Nam chích quái*, người dịch: Lê Hữu Mục, Huế, 1959-1960)

Ghi chú và Khảo luận:

* Vào thế kỷ 15, **Vũ Quỳnh** (1452-1516) biên soạn *Tân đính Lĩnh Nam chích quái* có ghi:

..... tính từ phía ngoài Ngũ Lĩnh ước khoảng 65 thành. Các tướng sĩ họp bàn, tôn phu nhân làm vua, **gọi nước là Trung***, đóng đô ở Mê Linh, thuộc Chu Diên. (*Tân Đính Lĩnh Nam chích quái*, người dịch: Bùi Văn Nguyên, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993)

*Vũ Quỳnh ghi **tên nước Việt cổ thời Hai Bà là nước Trung** (quốc hiệu **Trung**).

Hiểu theo như thế **Trung** không phải là **họ** của Hai Bà

* Theo tác giả Tiên Đàm:

... Lấy được 65 thành đất Lĩnh Nam, bà Trưng mới xưng vương, **đặt tên nước là Triệu**.

[bài: *Thân thế và sự nghiệp của Hai Bà Trưng*, tạp chí Tri Tân số 38 (13/3/1942)]

* Trong **Đại Việt Sử lược** do soạn giả khuyết danh biên soạn vào khoảng những năm 1377-1388, chỉ ghi tên, **không thấy nhắc đến hoặc ghi rõ họ của Hai Bà:**

“Đời Quang Vũ nhà Hậu Hán niên hiệu Kiến Vũ năm thứ 16 (40 sau Công nguyên) có Trưng Trắc người huyện Mê Linh (làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên) là con gái của quan Lạc tướng. Trưng Trắc lấy chồng người huyện Chu Diên là Thi Sách.”.....

(Người dịch: Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972)

* Năm 1455, vua Lê Nhân Tông (trị vì 1442-1451) truyền cho **Phan Phu Tiên** (có khi được đọc là Phan Phù Tiên) **tục biên** bộ **Đại Việt sử ký**, ghi chép những việc chính yếu từ đời vua Trần Thái Tông (1225-1258) đến khi quân Minh thua chạy về Tàu (1427). Sách chỉ có bản chép tay, nay sách đã thất truyền nên không biết trong sách ghi tên họ Hai Bà như thế nào.

* Theo **Đại Việt sử ký toàn thư** do **Ngô Sĩ Liên** (1400-1497) biên soạn:

*...Tên húy là Trắc, họ Trưng. **Nguyên là họ Lạc**, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh, Phong Châu, vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên. (Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà tướng kết hôn với nhau. Sách **Cương mục tập lãm lấy Lạc làm họ là lầm**). Đóng đô ở Mê Linh.*

*Canh Tý, năm thứ 1 [40], (Hán Kiến Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 2, vua khổ vì Thái thú Tô Định dùng pháp luật trời buộc, lại thù Định giết chồng mình, mới cùng với em gái là Nhị nổi binh đánh hãm trị sở ở châu. Định chạy về nước. Các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam, **tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng***.*

(Kỷ Trưng Nữ Vương, Trưng Vương - *Đại Việt Sử ký toàn thư*)

(Theo *Đại Việt Sử ký toàn thư* – Bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Cao Huy Giu phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1967).

Ghi chú và Khảo luận:

* Đây là **lần đầu tiên sách chính sử Việt ghi họ của Hai Bà là Trưng.**

Trong những thế kỷ trước:

- các bộ *Sử ký, Việt Sử lược, Đại Việt Sử ký, Việt sử Cương mục, Việt sử thế chí* đã thất truyền nên không biết là có ghi **họ** của Hai Bà hay không?

- trong **truyện** thần kỳ *Việt Điện U Linh tập*: từ **khi tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng**.

- *Lĩnh Nam chích quái* ghi Hai Bà **họ Lạc**.

- *Đại Việt Sử lược* thì không thấy ghi rõ **họ** của Hai Bà.

- *Đại Việt Sử ký toàn thư* có ghi chú: *Sách Cương mục tập lãm lấy Lạc làm họ là lầm*.

Theo Viện Hán Nôm, Hà Nội: <http://www.nomfoundation.org/nom-roject/history-of-greater-vietnam/Fulltext/5-Ky-Trung-Nu-Vuong?uiLang=en>

nguyên văn câu chữ Hán trong *Đại Việt Sử ký toàn thư*, bản in Nội các quan bản (1697) như sau:

..... 畧定嶺南六十五城 自立爲王 始稱徵姓焉。

Phiên âm Hán Việt:

..... lược định Lĩnh Nam lục thập ngũ thành, **tự lập vi vương, thủy xưng Trưng tính yên**.

Dịch nghĩa:

.... lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam, **tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng**.
(bản dịch: Viện Hán Nôm, Hà Nội)

Nếu hiểu đúng theo như câu văn trên, có một chi tiết đáng chú ý là: **sau khi** lên làm vua, bà Chắc “**mới xưng là họ Trưng**”. Điều này cũng có nghĩa là **trước khi** lên làm vua, **Hai Bà có tên nhưng không mang họ**.

*Ngô Sĩ Liên hoàn thành *Đại Việt Sử ký toàn thư* khoảng năm 1479 triều vua Lê Thánh Tông.

- Năm 1511, vua Lê Tương Dực (trị vì: 1510-1516) khiến **Vũ Quỳnh** khảo đính *Đại Việt Sử ký toàn thư*, soạn thành bộ **Đại Việt thông giám thông khảo**, sau thường được gọi tắt là *Đại Việt thông giám*.

- Năm 1514, vua sai **Lê Tung** soạn bài *Tổng luận* sách *Đại Việt thông giám*.

- Khoảng năm 1519, đời Lê Chiêu Tông (trị vì: 1516-1522), **Đặng Minh Khiêm** dâng mệnh hiệu đính *Đại Việt Sử ký* (theo *Lịch triều hiến chương loại chí*- Phan Huy Chú).

- Khoảng năm 1663-1665, vua Lê Huyền Tông (trị vì: 1663-1671) khiến **Phạm Công Trứ** chủ biên việc khảo đính bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư*. Ông cùng với một nhóm danh sĩ khảo duyệt, khảo đính và tục biên bộ *Đại Việt Sử ký toàn thư*, sau đó sách được khắc in năm 1665.

-Vào triều vua Lê Hy Tông (trị vì: 1676-1705), vua Lê và chúa Định Nam Vương Trịnh Căn (ở ngôi chúa; 1682-1709) giao cho **Lê Hy** chủ biên việc khảo đính *Đại Việt Sử ký toàn thư* và *Đại Việt Sử ký bản kỷ tục biên*.

Sách hoàn thành được đặt tên là **Đại Việt Sử ký tục biên**, được cho khắc ván gỗ in năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*.

*theo tác giả Trần Hoàng Vũ, bộ **mộc bản năm Chính Hòa thứ 18** gồm 33 quyển. Mãi đến thế kỷ thứ 19, bản này được rút gọn và sắp đặt lại còn 25 quyển (24 quyển chép sử và quyển *thủ* có gồm *Lời tựa* của nhóm sử thần Lê Hy), khắc in thời triều Nguyễn vào khoảng năm 1802-1827 tại Thăng Long (theo tác giả Trần Nghĩa). Bản in thời triều Nguyễn được gọi là **bản in Nội các quan bản**.

(theo loạt bài: *Bí ẩn mộc bản Chính Hòa năm thứ 18*, Trần Hoàng Vũ, Hà Nội, 4-2022)

*

Xem lại tiến trình hình thành bộ quốc sử *Đại Việt Sử ký toàn thư* từ khi Ngô Sĩ Liên hoàn tất việc biên khảo năm 1479 đến năm 1697 khi bản khắc ván in được ban hành, bộ sách đã trải qua nhiều lần khảo duyệt, khảo đính và tục biên ... đều bởi những danh nho tiền bối. Vì thế người đời sau thật tình không biết nguyên văn bản gốc đã bị sửa đổi, thêm bớt nhiều ít như thế nào.

Riêng về sự kiện lịch sử:

..... 畧定嶺南六十五城 自立為王始稱徵姓焉.

..... lược định Lĩnh Nam lục thập ngũ thành, tự lập vì vương thủy xưng Trung tính yên

.... lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua, mới xưng là **họ Trung**.
(bản dịch: Viện Hán Nôm, Hà Nội)

khởi đầu **chỉ là chi tiết trong truyện cổ** lưu truyền trong dân gian hoặc **những điều thế truyền** qua nhiều đời, được Lý Tế Xuyên ghi lại trong *Việt Điện U Linh tập* năm 1329.

Đến 150 năm sau, không biết là chính Ngô Sĩ Liên (1479) hay các danh nho đời sau, khi hiệu đính hoặc tục biên, đã đưa **chi tiết truyện thế truyền** này vào **chính sử Đại Việt sử ký toàn thư**.

* Theo bản *Lâu Thượng thần tích ngọc phả cổ truyền** được lưu giữ tại đình Ngoại - Lâu Thượng (Phú Thọ) do Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính (1525-1605) phụng soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572), triều vua Lê Anh Tông, có ghi là nhà Hai Bà làm nghề chần tằm, quen gọi cái kén tốt, dày là kén **chắc**, kén mỏng hơn là kén **nhì**; nên khi Hai Bà sinh ra, gia đình bèn dùng ngay hai tiếng ấy mà đặt tên **chị là Chắc** và **em là Nhì**.*

*Theo mục Khảo Dị ở phần chữ Hán trong sách *Trung Vương Lịch Sử* (Hà Nội, 1937) của tác giả Hoàng Thúc Hội (bút hiệu Cúc Hương).

Năm 1942, trên tạp chí Tri Tân số 42, nhà văn Hoa Bằng (Hoàng Thúc Trâm, 1902-1977) (con của Hoàng Thúc Hội) có nhắc đến thần tích này ghi tên của Hai Bà là Chắc và Nhì. (Hoàng Thúc Trâm là người chủ trương và là chủ bút *Tạp chí Tri Tân*, xuất bản số đầu năm 1941 ở Hà Nội).

* Ở làng Nại Xá (Đan Phượng, ngoại ô Hà Nội ngày nay) nơi miếu thờ ông Thi có lưu giữ bản *Nại Tử xã Thần miếu sự tích*, theo đó thì Trung Vương có tên thời con gái là Ả Lã Nàng Đê:

....Nghe nói **Ả Lã Nàng Đê*** là người có nhan sắc kiêu diễm mà vẫn chưa lấy chồng bèn nói với Lạc tướng, Lạc tướng nói rằng: Ta và Lạc tướng Phong Châu trước đã có nguyện ước. Nay nghe có nàng Ả đó phải chăng là duyên tiền định vậy. Bèn cho người đến hỏi đón về (tức ngày mùng 10 tháng 11). Ở đất Chu Diên hai họ đều cùng vui mừng....

.... Trung nữ vương vì căm ghét Tô Định là kẻ tham tàn bạo ngược giết chồng mình nên đã dấy quân đến hỏi tội Tô Định. Sau đó đánh chiếm được 65 thành ở vùng Lĩnh Nam, rồi lên ngôi vua, tôn phong cho chồng là Quốc vương Thiên tử Đông Hán Đại vương, **còn mình thì tự xưng là Quốc Thiên tử, coi tên Ả Lã Nàng Đê là tên thụy***.....

(nguồn: Wikipedia, không ghi rõ ai soạn bản văn này)

Ghi chú và Khảo luận:

*Thiền nghĩ: Bản thần phả này có những chi tiết không hợp lý, cần được xét lại nghiêm chỉnh, cần phải tra xét văn bản gốc *Nại Tử xã Thần miếu sự tích* (viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm) và đối chiếu với các thần phả những làng khác.

*Trong sách *Đạo Thánh ở Việt Nam*, tác giả Vũ Ngọc Khánh ghi Thánh Bà Ả Lã Nàng Đê là con gái của Thừa tướng Lữ Gia nhà Triệu Nam Việt, đã giúp Trung Vương đánh giặc Hán. (*Đạo Thánh ở Việt Nam*, Vũ Ngọc Khánh, Trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung ương, Hà Nội, 2001).

Theo thần phả đình Đại Mỗ, huyện Từ Liêm thì Ả Lã Nàng Đê là con gái của Tể tướng Lữ Gia. Sau khi Mã Viện đánh bại quân khởi nghĩa ở Lãng Bạc và Cẩm Khê, Bà trăm mình ở sông Hát. Ả Lã là vị thần được thờ ở nhiều nơi nhất trong số các nữ tướng thời Trung Vương*.

Thiền nghĩ: * Nhà Triệu bị diệt vong năm 111 trước Công nguyên, cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng khởi phát năm 40 sau Công nguyên, hai sự việc cách nhau 150 năm. Như thế các ghi chép về *thần Ả Lã giúp Hai Bà đánh giặc Hán* hiển nhiên không hợp lý nếu xét theo diễn tiến thời gian của các sự kiện lịch sử Việt cổ!



Từ nhiều thế kỷ nay, việc biên soạn lịch sử nước Việt thời thượng cổ đều dựa vào các ghi chép trong sách sử Tàu cổ xưa và những điều được lưu truyền trong dân gian qua bao nhiêu đời.

Hậu sinh chúng ta không thể quá tin vào sách sử Tàu, cũng không thể cả tin các truyền thuyết lâu đời về những sự kiện lịch sử của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà chống ách đô hộ của vua quan nhà Đông Hán vào đầu thế kỷ I.

Chúng ta cần phải kiểm chứng, suy xét cẩn thận mọi ghi chép trong sử sách xưa, trong các thần tích, ngọc phả để thoát khỏi những ngộ nhận về lịch sử Việt, và quan trọng hơn nữa là tránh không tiếp tục lưu truyền lại đến các thế hệ mai sau những hiểu biết sai lạc về lịch sử Việt.

Trong khi chờ đợi thêm những hiểu biết mới về nước Việt cổ, về ngôn ngữ của các tộc người Việt cổ thời Hai Bà, điều tiên quyết trong việc ghi nhớ công đức của Hai Bà là hậu sinh chúng ta cần lưu truyền tên họ Hai Bà cho chính đáng:

Tên *húy* Hai Bà là bà *Chắc* và bà *Nhì*.

Tiếng *Trung* để bày tỏ sự tôn kính, có thể để chỉ tước vị *Vua*.

Danh xưng *Trung Chắc* nên hiểu với ý nghĩa tôn quý là Bà *Vua Chắc*.

Danh xưng *Trung Nhì* nên hiểu với ý nghĩa tôn quý là Bà *Vua Nhì*.

Nhớ đến công đức *Hai Bà Trung* là nhớ đến công đức *Hai vị Vua* của triều đại độc lập đầu tiên của nước Việt cổ dưới trời Đông Á.

* * *

(Trích từ: *Cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trung*, © 2015 – 2023, Đỗ Hoàng Ý)